CÔNG TY CP DV VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU ĐO KIỂM NGHIỆM THU ĐỘ CỨNG MOHS, ĐỘ BÓNG GU, ĐỘ PHẲNG VÀ MA SÁT DCOF

Đồng bộ **CFS-13** · 4 cấp lộ cốt liệu A/B/C/D · 4 cấp bóng 1–4 (Gloss 60° & DOI) · 5 điểm đo / 100 m² · Mohs ≥ 6–7 · DCOF ≥ 0,42–0,51 · Thước 2 m ≤ 3–5 mm

Mã biểu mẫu: BM-CFS-07
Phiên bản: v1.0 (19/11/2026)
Lưới đo: 5 điểm / 100 m²
Lưu hồ sơ: 36 tháng (Kỹ thuật)

Công trình / Lô sàn	..... (DT lô: ..... m²)	**Ngày & Seri thiết bị đo**	Ngày ...../...../202... | Máy đo: .....
KTV Đo kiểm	..... (Đối chiếu **BM-CFS-01**)	**Đại diện Bên A / TVGS**	..... (SĐT: .....)

1. XÁC NHẬN CẤP LỘ CỐT LIỆU (A–D) VÀ CẤP ĐỘ BÓNG HOÀN THIỆN (CẤP 1–4)

(Đối chiếu ô thử mẫu 2 m² đã duyệt trên BM-CFS-01)

Phân cấp lộ cốt liệu bề mặt (Tích 1 cấp đã chốt)	Phân cấp độ bóng & Độ nét ảnh phản chiếu (DOI)
☐ **Cấp A (Hồ mặt nguyên):** Mài tinh giữ nguyên lớp vữa mặt, không lộ cát.	☐ **Cấp 1 (Mờ phẳng):** Gloss 60° **< 20 GU** · DOI thấp, chống chói kho.
☐ **Cấp B (Lộ cát mịn):** Mài bóc 0,5–1,5 mm lộ đều hạt cát mịn kiểu muối tiêu.	☐ **Cấp 2 (Mờ lụa / Satin):** Gloss 60° **20–39 GU** · DOI 15–39, bóng nhẹ.
☐ **Cấp C (Lộ đá vừa):** Mài 1,5–3 mm lộ cát thô lẫn đá nhỏ 3–6 mm.	☐ **Cấp 3 (Bóng bán phần):** Gloss 60° **40–65 GU** · DOI 40–69, phản xạ vừa.
☐ **Cấp D (Lộ đá toàn phần):** Mài sâu ≥ 3–5 mm lộ cốt liệu đá lớn đồng đều.	☐ **Cấp 4 (Bóng gương sâu):** Gloss 60° **≥ 70 GU** · DOI ≥ 70, soi rõ đèn trần.

2. BẢNG GHI CHỈ SỐ ĐO KIỂM ĐỊNH LƯỢNG LƯỚI 5 ĐIỂM MỖI 100 M²

(Mỗi lô 100 m² đo đủ 5 điểm ngẫu nhiên, tính trung bình và độ lệch CV)

Chỉ tiêu đo kiểm	Ngưỡng chuẩn đạt	T=0	Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	Đ5	TB & CV	Kết luận
1. Độ cứng bề mặt Mohs Bộ bút thử độ cứng khoáng	Đạt **Mohs ≥ 6–7** (Tăng ≥ 1–2 bậc so T=0)							TB:	☐ Đạt ☐ K.đạt
2. Độ bóng Gloss 60° (GU) Theo đúng Cấp 1–4 đã chốt	Đạt ngưỡng cấp chốt: **..... GU** · Độ lệch **CV ≤ 10%**							TB: ..... CV: ....%	☐ Đạt ☐ K.đạt
3. Độ nét phản chiếu DOI Đo theo thang 0–100 (Cấp 3–4)	Cấp 3: **40–69** Cấp 4 (gương): **≥ 70**							TB:	☐ Đạt ☐ N/A
4. Hệ số ma sát ướt DCOF Đo ANSI A326.3 trên sàn hoàn thiện	Sàn kho/khô: **≥ 0,42** Khu ướt / Dốc / Sảnh: **≥ 0,51**							TB:	☐ Đạt ☐ K.đạt
5. Độ phẳng thước 2 m Đo khe hở thước thẳng 2 m	Nền mới / cao cấp: **≤ 3 mm** Sàn cải tạo cũ: **≤ 5 mm**							Max: ...mm	☐ Đạt ☐ K.đạt
6. Chống thấm & Lỗ kim Thử giọt nước & dầu 30 phút	Không thấm sậm màu sau 30p Đủ kín lỗ kim, 0 vết xoáy đĩa	N/A						0 thấm	☐ Đạt ☐ K.đạt

3. KIỂM TRA HOÀN THIỆN BIÊN GÓC, CHÂN CỘT VÀ SOI ĐÈN RỌI THẤP (15–30°)

(Đối chiếu nhật ký BM-CFS-04)

Vị trí / Chỉ tiêu ngoại quan	Yêu cầu hoàn thiện bắt buộc khi bàn giao	Xác nhận
1. Mài sát biên & chân cột	Đủ cấp bóng đồng bộ mặt sàn chính bằng máy cầm tay gắn chụp hút HEPA; không bỏ sót viền mờ quanh chân tường/cột.	☐ Đạt ☐ Dặm biên
2. Soi đèn 15–30° & khe sàn	Không còn vết xoáy đĩa thô (swirl marks), không đọng vảy trắng Lithium Silicate; đường khe sạch bùn và phẳng mép.	☐ Đạt ☐ Đánh lại

QUY TẮC TÍNH ĐỒNG ĐỀU CV & BẢO MẬT ẢNH (AT-05 · NĐ 13/2023/NĐ-CP): Hệ số biến thiên **CV (%) = (Độ lệch chuẩn 5 điểm / Trung bình 5 điểm) × 100 (%)**. Lô sàn 100 m² chỉ nghiệm thu khi giá trị trung bình đạt chuẩn cấp độ đã chốt và **CV ≤ 10%**. KTV đính kèm ..... ảnh góc hẹp màn hình máy đo thực tế (không chụp mặt người, biển số xe hay màn hình an ninh theo NĐ 13/2023).

KTV ĐO KIỂM & CHỈ HUY SONGANHHYG	ĐẠI DIỆN BÊN A / TƯ VẤN GIÁM SÁT NGHIỆM THU
Xác nhận đo đủ 5 điểm / 100 m² (Mohs, GU, DOI, DCOF, thước 2 m) và kèm ảnh đồng hồ đo. Họ tên & chữ ký:	☐ Đồng ý nghiệm thu đạt chuẩn · ☐ Yêu cầu đánh dặm lại lô có CV > 10% Họ tên, chức vụ & chữ ký: